

MỘT VÀI ẨN SỐ

trong các di tích và lễ hội truyền thống trên địa bàn quận Long Biên, Hà Nội

BÙI THẾ QUÂN*

Nhớ lại những lần đi khảo sát một số di tích trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội để viết bài tham luận cho các hội thảo chuyên đề về giá trị của di tích, nhằm đưa ra giải pháp qui hoạch và tu bổ. Qua những lần khảo sát tại các di tích đình-chùa Thổ Khối (phường Cự Khối), đền Trấn Vũ, đình-chùa Cầu Bậy, đình Ngô (phường Thạch Bàn), đình-chùa Nha, Trạm, Tử Đình (phường Long Biên), đình Tinh Quang (phường Giang Biên), đình-chùa Hội Xá (phường Phúc Lợi), đình Sài Đồng (phường Phúc Đồng) và đình Trường Lâm (phường Việt Hưng), điều mà chúng tôi thấy ở đây là những di tích này thường gắn liền với các con sông như: sông Hồng, sông Đuống, sông Cầu Bậy (Nghĩa Trụ) và kể cả các chi lưu hoặc dòng lạch mà nay chỉ còn là con mương nhỏ hoặc chỉ còn tồn tại trong ký ức của người dân địa phương. Trong hệ thống các di tích nêu trên thường thờ các vị thần như Linh Lang, Trấn Vũ, Ông Hoàng Lê Mật hoặc vị thần có sự tích xuất thân ở vùng sông nước. Và, trong các lễ hội đó còn có những trò diễn, những nghi thức dân gian mà dưới đây chúng tôi xin được lược kể và phần nào giải mã những hàm nghĩa đích thực bên trong đã được bọc bởi nhiều lớp vỏ lịch sử bên ngoài của nó.

Trước hết là việc thờ thần Trấn Vũ ở đền

Ngọc Trì (phường Thạch Bàn). Theo thần tích được ghi lại tại tấm bia ở đền, lập năm Mậu Thìn (1928) kể rằng: "Huyền Thiên Thượng đế vốn là một hoá thân của Ngọc Hoàng Thượng đế giáng trần, tu theo đạo Phật và đắc đạo. Ngọc Hoàng Thượng đế ra chiếu phong Ngài làm Vạn pháp Giáo chủ, cai quản Tả ban Huyền cai đại tướng, Hữu ban Quan thánh đế quân cùng 36 viên thiên tướng tùy tùng giúp việc, lại còn được phong hiệu là Huyền Thiên Thượng đế Đấng ma Thiên tôn Vô lượng thọ Phật. Ngọc Hoàng còn ban cho Kim ấn "Vương hư sư tướng", một thanh Thần kiếm "Tam thai Thất tinh", 500 viên Linh đan. Ngọc hoàng Thượng đế ra sắc chỉ phái Ngài xuống trần để thu trừ yêu quái các sơn thủy động. Lần thứ nhất giáng trần, Ngài thụ giới vào nhà họ Lưu, được đặt tên là Trường Sinh, lên ba tuổi Tam Thanh Thất bảo Như lai đưa đến núi Bồng Lai tu hành. Lần thứ hai, Ngài giáng sinh vào vương quốc nước Ca Đồ, Hoàng hậu đặt tên là Huyền Minh, lên 10 tuổi vào núi Bồng Lai tu hành. Lần thứ ba, Ngài giáng sinh vào nước Tây Vực, Hoàng hậu lấy tên là Huyền Hoảng, 30 tuổi vào núi tu hành được 3 năm. Lại nói chuyện lần thứ ba, Huyền Thiên thượng đế tự giáng sinh vào nước Tây Vực, vào núi Linh Thú tu hành đã xong. Ngọc Hoàng Thượng đế phong cho là "Kim Quyết Đấng ma Thiên tôn" mặc áo Long bào đen, nhận "Tam thai diệu

* PHÒNG VĂN HÓA THÔNG TIN
QUẬN LONG BIÊN

kiếm" xuống trần thu trừ 33 yêu động yêu quái. Thiên tôn tuy đã thành Phật nhưng chưa được chính đấng, chính giác toàn vẹn, thiên tướng không nghe theo, yêu tinh cũng chưa phục. Ngài tâu Ngọc Hoàng xin một lần nữa giáng sinh vào nước Tĩnh Lạc. Hoàng hậu nước Tĩnh Lạc nằm mơ thấy nuốt mặt trời đỏ và sau đó mang thai. Mãn nguyệt khai hoa, vào ngày 3 tháng 3, Ngài tự chui qua đấng nách mẹ, được Diêu Lạc Thiên Tôn niệm chú khiến 9 con rồng từ trên trời xuống phun nước tắm rửa cho Thái tử. Lần thứ tư, Ngài giáng sinh vào vương quốc Tĩnh Lạc, Hoàng hậu đặt tên là Huyền Nguyên,



Quan Âm tọa sơn, gỗ, TK.17, chùa Cụ Đà, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Hà Nội-Ảnh: Quốc Vụ

năm 14 tuổi vào núi Vũ Đương tu hành, năm 42 tuổi đắc đạo. Diêu Lạc Thiên tôn hoá phép, khiến Huyền Nguyên ngủ thiếp. Diêu Lạc liền moi hết ruột gan Huyền Nguyên, đem chôn ở núi Vũ Đương. Diêu Lạc Thiên Tôn tấu với Ngọc Hoàng Thượng đế việc Huyền Nguyên đã tu hành đắc đạo. Ngọc Hoàng Thượng đế sắc chỉ cho Huyền Nguyên đi thu trừ các sơn thủy động yêu quái. Lần thứ nhất, Ngài thu trừ yêu rắn và yêu rùa, sau đó thu phục 3.300 động yêu linh. Từ đó về sau, ba ngàn thế giới trời yên biển lặng, dân cư yên ổn, vạn vật sinh sôi. Sau đó Ngài còn phù hộ việc phá giặc

phương Bắc xâm lược, giúp nước, đỡ dân, công đức to lớn vô cùng. Từ thời Thục phán An Dương Vương đến nay, các triều đại đều phong sắc cho Ngài là Thượng đẳng thần, cấp đất đai, hương hoả để phụng thờ...".

Như vậy, về cơ bản, Huyền Thiên Trấn Vũ là vị thần thường của các miền đất thấp. Nhưng, trên thực tế, theo dòng trôi chảy của lịch sử, Ngài đã hội tụ dần nhiều yếu tố văn hoá vượt ra ngoài bản chất khởi nguyên để trở thành một vị thần đa năng. Trong đó ít nhất với hai "chức năng" chính, một là, vị thần trấn trị phương Bắc của kinh thành, chủ yếu với nhiệm vụ trừ tà sát quỷ và một số nhiệm vụ khác... để giữ yên chốn đế đô. Hai là vị thần chống lầy, chống lụt. Theo chúng tôi nghĩ, thần Huyền Thiên ở đền Ngọc Trì (phường Thạch Bàn quận Long Biên) ít gắn với kinh thành và có lẽ gắn với yếu tố thứ hai nhiều hơn.

Ở đây, chúng tôi xin được bàn về gốc gác của vị thần như sau: Khởi nguyên thần Huyền vũ có liên quan tới tục sùng bái các vì sao của người Trung Hoa vào thời cổ đại, với nhị thập bát tú. Người Trung Hoa căn cứ vào thời điểm xuất hiện và lặn của các vì sao để định bốn mùa. Sau thời Chiến

Quốc, nhị thập bát tú dần dần chia thành 4 nhóm, lấy tứ linh để gọi tên: Phương Đông gắn với Thanh long; Tây- Bạch hổ; Nam- Chu tước; Bắc- Huyền vũ. Huyền vũ là rùa và rắn, do bảy ngôi sao Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất và Bích hợp thành (hình dạng được coi là giống rùa và rắn). Huyền vũ dần dần được nhân dạng hoá, từ đời Tống, Ngài đã có thanh thế khá lớn. Thời Bắc Tống, tránh húy của Tống Chân Tông nên đổi từ Huyền Vũ sang Chân Vũ. Tín ngưỡng thờ Trấn Vũ ngày càng mạnh, để Ngài cùng Thiên Bồng, Thiên Du, Dự Thánh Chân quân được xếp vào Tứ Thánh. Thời Nam Tống, Ngài được thể hiện rõ rệt hơn với hình tượng nhân dạng, là vị thần trấn phương Bắc với hình thức tóc xoã, áo đen, chống kiếm, đạp lên lưng rùa, tuý từng đều cầm cờ đen. Đến thời Nguyên, Ngài được phong là: Nguyên Thánh Nhân uy Huyền Thiên Thượng đế. Bởi sự linh ứng, nên dưới thời Minh, Ngài được đề cao và phổ cập khắp Trung Hoa, là vị thần có vị thế chỉ sau Tam Thanh, Ngọc Hoàng-Đạo giáo Trung Hoa còn coi Chân Vũ là hoá thân của Nguyên Thủy Thiên tôn và cho rùa rắn là Từ Lục Ma Thiên vương lấy từ Khảm và Ly hoá thành được Chân Vũ thu nạp rồi trở thành "Quy Xà nhị tướng" ở dưới chân Ngài.

Lại có nhiều truyền thuyết liên quan tới sự xuất hiện của Chân Vũ như: Do thần Thiên Địa biến hoá mà thành. Khởi đầu là hình tượng nam nữ ôm nhau (tượng cho tinh linh của trời đất). Về sau chuyển thành hình tượng của rùa rắn quấn nhau, cuối cùng hợp lại dưới dạng người, tức là thần Chân Vũ.

Gốc là thủy thần Cồn (Cha của Vũ). Cồn là tu trưởng thị tộc Miết. (Ba ba). Cồn chết hoá thành con ba ba có 3 chân. Truyền rằng vợ Cồn là Tu Di (Chữ Di cũng tương trưng hình rắn) và, Cồn cùng vợ là sự kết hợp thành rùa và rắn (Rùa rắn quấn nhau trong tranh vẽ thần Huyền Vũ).

Bảy ngôi sao phía Bắc (trung nhị thập bát tú) có dạng giống rùa và rắn (Huyền: rùa, Vũ: rắn), nên gọi các sao này là Huyền Vũ.

Là Nguyên Thủy thiên Tôn hoá thân, đầu thai là con vua Tịnh Lạc, sau lên núi Thái Hoa tu luyện. Đắc đạo, về trời được Thượng đế phong làm Huyền Thiên Thượng đế.

Vào đời Tùy Dạng Đế, Ngọc đế lấy một phần ba hồn của mình cho đầu thai vào hoàng hậu Thiên Thắng của nước Tịnh Lạc-Lớn lên, Ngài bỏ ngôi vị vào núi Vũ Đương tu hành, sau về trời, trấn phương Bắc, gọi là Huyền Vũ/Chân Vũ... theo bước chân đạo giáo Trung Hoa nhập vào đất Việt, tuy vẫn giữ được huyền tích gốc, song phần nào cũng đã Việt hoá để thích ứng và tồn tại. Cũng theo 2 bia Công đức (1928 và 1939) của đền Ngọc Trì thì ngay ở các dòng đầu của bia, người đương thời đã có ý thức đưa Huyền Thiên Thượng đế vào không gian của nhà Phật. Bia năm 1928 cho biết: Ngọc Hoàng thượng đế đã phong Ngài là "Huyền Thiên Thượng đế, Đấng Ma Thiên tôn Vô lượng thọ Phật" (Mà Vô Lượng Thọ Phật là một danh xưng của Phật A Di Đà). Câu đầu của bia năm 1939 tại đền cũng ghi "Cung bái Huyền Thiên Thượng đế Vô lượng thọ Phật". Trong bia còn ghi "Khi sinh, Ngài tự chui qua đặng vách, sau đó chín con rồng từ trên trời xuống phun nước tắm cho Ngài". Đây là Tích Phật. Nhưng để thấy rõ sự hoà đồng giữa Phật và Đạo giáo thì có sự đồng nhất với Thích Ca sơ sinh. Hiện tượng Phật giáo hoá các ngôi quán Đạo giáo đã khá phổ biến ở nước ta, nhất là từ thế kỷ XVII về sau. Thông thường người ta đã chuyển Quán thành Chùa, đem tượng Phật giáo vào thờ trong Quán..., kể cả Quán Huyền Thiên ở phố Hàng Khoai. Nhưng ở các nơi đó Phật là Phật, Thánh là Thánh. Thì, ở đây, Thánh, Phật lại như đồng nhất, có lẽ hình thức này ít gặp ở Trung Hoa. Cũng theo nội dung các bia này thì ngoài một số tích bắt nguồn từ phương Bắc như nêu trên, Huyền Thiên đã nhiều lần xuống hạ giới, để thu phục yêu quái ở trần gian giữ yên bình cho cuộc sống. Ngài cũng đã được hội nhập với thần Kim Quy để giúp An Dương Vương trừ Bạch Kê, xây thành Cổ Loa, giữ yên bờ cõi... "Bước đi" của Huyền Thiên trong tâm thức quần chúng đã chuyển hoá Ngài từ một thần có gốc từ Trung Hoa thực sự thành một thần Việt, vì dân vì nước mà tồn tại. Nhìn chung cũng như một số thần linh khác, tích truyện Trung Hoa ở đây chỉ được coi như bệ đỡ để làm sáng tỏ cho một Huyền Thiên Việt đích thực gắn với nền nông nghiệp lúa nước phương Nam, nhất là khi Ngài chuyển tên từ Chân Vũ

sang Trấn Vũ. Nhà nghiên cứu Hán Nôm-Hoàng Giáp cho biết rằng: Rùa và rắn có vảy giáp, được coi là Vũ, nên Trấn Vũ cũng có nghĩa là trấn áp thu phục rùa và rắn.

Trong một số công trình nghiên cứu về tạo hình, dưới góc độ dân tộc học mỹ thuật, chúng tôi và một vài nhà nghiên cứu khác (Dưới sự hướng dẫn của các nhà khoa học đầu ngành) đã từng đưa ra nhận định: Rùa và rắn nằm trong loại thủy quái luôn dâng nước tạo nên sự lụt lội. Kiếm của Thần mang yếu tố dương, gắn với lửa, chứa đựng một siêu lực vô bờ bến, được đồng nhất với sấm chớp. Một trong những quan niệm chung của nhiều cư dân trên thế giới là kiếm chém xuống nước được coi như sấm sét đánh xuống thủy quái, mang nghĩa của một hình thức chống lụt. Tất nhiên hình thức dùng kiếm thần chém thủy quái không chỉ gắn với riêng Huyền Thiên mà còn liên quan tới rất nhiều thần linh khác, như cả ông Hoàng Lê Mật, Linh Lang, Trấn Hưng Đạo và Lê Lợi.

Tiếp nối việc thờ Trấn Vũ, chúng tôi xin đưa ra vấn đề thờ thần Linh Lang tại một số di tích trên địa bàn. Trong số 269 địa điểm thờ Linh Lang đại vương (đã được thống kê trên cả nước) thì địa bàn quận Long Biên có 13 địa điểm. Trong khảo sát thực địa, chúng tôi phát hiện ra một điều rất lý thú là, cứ di tích nào thờ thần Linh Lang là phía trước hoặc cạnh đó là có các dòng chảy qua dưới dạng các con sông nhỏ nối với các con sông lớn. Tại các di tích này, một vài nơi vẫn còn giữ lại được bản thần tích bằng chữ Hán dưới thời Nguyễn sao lại cuốn Ngọc phả cổ lục do Đông các đại học sĩ Nguyễn Bính soạn ngày 10/1 năm Hồng Phúc nguyên niên (1572). Và, theo truyền thuyết dân gian địa phương kể lại thì sự tích Linh Lang được tóm lược như sau: Linh Lang là con của bà mẹ Hạo quê gốc ở Bồng Lai. Truyền tích kể lại, một lần vua Lý Thánh Tông tuần giá vùng ngoại thành, nhân dân nô nức đến xem, trong số đó có nàng Hạo dung nhan khác thường, vua đón nàng về và lập làm đệ cửu cung phi. Ba bốn năm sau thì mẹ nàng Hạo mất, nàng bèn xin phép vua về mai táng và chịu tang mẹ. Trong thời gian chịu tang mẹ ở phường Thị Trai, nàng không dám về triều. Và một hôm bà ra hồ Tây (Đầm Đầm) giặt lụa và tắm rửa, bỗng có con Giao Long từ ngoài hồ lao thẳng vào chỗ

minh và quấn chặt lấy thân người 3 vòng. Từ đó bà có mang, 14 tháng sau, một hôm bà ra chơi vườn hoa bỗng nhiên mơ màng rồi ngủ thiếp đi, chợt mơ thấy một bậc đại trượng phu mình dài 9 thước, đầu đội mũ rồng sáng chói, mình mặc áo bào, đai ngọc rực rỡ, cười mây, đạ mưa tới thẳng trước mặt bà cung phi thưa rằng: Thần vốn là con trai Long vương tên là Hoàng Lang, có mệnh cho xuất thế thác sinh làm con vua. Nói chưa hết lời, cung phi tỉnh giấc. Hôm đó tức là ngày 13/12 năm Giáp Thìn, đó cũng là ngày sinh Hoàng Lang. Khi được 1 tháng 7 ngày, Linh Lang đã ra quân giết giặc Trinh Vĩnh phương Bắc. Ngài ra quân bằng voi và phát cờ cán dài 10 thước. Sau này Linh Lang bị bệnh đậu mùa và mất. Nhà vua cho phép dân Thị Trai (Thủ Lệ) và ở quê Bồng Lai được lập đền thờ theo ý nguyện của Linh Lang.

Như vậy huyền thoại này đã được Đông Các Đại học sĩ Nguyễn Bính soạn lại năm 1572 nhưng vẫn chìm trong mờ ảo, phi thực. Ngày nay, cũng có người cho rằng Linh Lang là nhân vật lịch sử có thật và ca tụng Ngài với đầy lời hay ý đẹp (!)... Song, Linh Lang là ai? Dù không phải được sinh ra vào thời nguyên thủy, nhưng Ngài vẫn là con đẻ của tư duy liên tưởng dân dã, ra đời bởi sự nhân dạng hoá, thiêng hoá những sự kiện tốt lành trong lịch sử và phần nào có hội nhập với một số truyền thuyết đã tồn tại. Cụ thể là:

Người ta đã gán cho Ngài một sự thần kỳ từ "trong trứng" với mẹ của Ngài là nàng Hạo (mang nghĩa ngay thẳng, đẹp đẽ) quê gốc ở Bồng Lai (nơi có phong cảnh vô cùng đẹp đẽ, thanh khiết, gắn với miền tiên cảnh)... Chỉ thế thôi, đã cho thấy gốc của Linh Lang mang nét thần tiên, như khẳng định Ngài vốn có một bản thể siêu phàm... Bản thể ấy còn được kết tụ bởi nguồn sinh lực vô biên của vũ trụ, thể hiện qua việc mẹ Ngài được Giao Long "phủ", quấn lấy thân người ba vòng. Đây là một huyền thoại khá phổ biến không chỉ riêng với sự tích Linh Lang. Tạm có thể tin rằng, sự giao phối thiêng liêng này được coi là một mầm mống tạo ra thành nhân. Hiện tượng dị thường đối với Linh Lang là Ngài ở thai 14 tháng. Đây là con số phổ biến liên quan tới sự ra đời của nhiều vị thần dân gian Việt. Đó là con số phi thực, nhưng lại rất thực trong đời sống tâm linh, sản

phẩm của tư duy liên tưởng vô bờ bến xưa kia. Theo Võ Hoàng Lan- trong Lễ hội đền Dâm (2002-Tư liệu Viện nghiên cứu Văn hoá-Viện Khoa học Xã hội) giải thích rằng: số bảy là số phiếm chỉ, tượng cho nhiều (không chỉ là số đếm mà là tất cả, thuộc văn hoá phương Nam, gốc từ Ấn Độ). Trong trường hợp này là bảy âm và bảy dương, tạo nên sự dung hội qua sự đối đãi thiêng liêng của nguồn âm dương không cùng mà kết tụ thành cốt lõi cho sức mạnh diệu kỳ của đức Thánh. Sức mạnh ấy được báo hiệu bởi khi Ngài xuất thế thì trời đất tối tăm, với trận cuồng phong cùng hương thơm ngào ngạt... Và, ngay từ khi lọt lòng mẹ đã có tướng mạo khác thường... Hiện tượng mới có tuổi được một tháng đã tự lớn lên cầm quân đánh giặc, phần nào như ảnh hưởng khá gần gũi với sự tích về Phù Đổng Thiên Vương, song ở đây là đánh giặc Vĩnh Trinh, có tài liệu ghi là Trinh Vinh. Cả hai tên này đều không có trong lịch sử thời Lý Thánh Tông (ngoài một số quan văn có tên Vĩnh Trinh; niên hiệu này cũng gắn với Đường Thuận Tông năm 805). Tuy nhiên, sự hư cấu của huyền thoại là có thể chấp nhận được và tính dân gian nhiều khi lại gắn với tính chất "không gian nở thời gian co" hoặc ngược lại...

Trở lại với cốt truyện, Linh Lang đã xin một lá cờ lệnh và voi... thoáng đâu đó, chúng ta như thấy bóng dáng cờ lệnh trong hội Phù Đổng mà khi múa đã được coi như sự vận động của sức mạnh trần gian, của sự trong sáng... Suy cho cùng, chúng tôi cứ ngỡ ngỡ "cuộc chiến" của Linh Lang là sự huyền thoại hoá việc chống lụt chống lầy của cư dân Đại Việt dưới thời Lý, mà con sông Tô Lịch và Kim Ngưu có thể đã là những con sông tiêu nước của đương thời. Từ đây, Linh Lang theo các dòng chảy mà trôi đi các nơi, tới cả các vùng trũng thấp của ven sông Hồng để nhập vào thần điện của một số đình và đền trên địa bàn Long Biên với tư cách là thần tiêu thoát lũ.

Trên bình diện kiến trúc, thường thì bức "Bình phong" được đặt trước sân rồi tiếp đó ra ngoài là nghi môn. Nhưng với những di tích thờ thần Linh Lang ở đây, chúng tôi thấy bức "Bình phong" lại được đặt phía ngoài nghi môn. Trên bình phong, phía mặt ngoài được đắp hoặc vẽ hình tượng Hồ. Vậy hồ ở đây có nghĩa gì?

Bùi Thế Quân: Một vài ấn số trong...

Chúng tôi được biết, với những ngôi đền (như ở đền Ngọc Sơn), phía ngoài cổng thường đắp hình tượng Rồng và Hồ. Đó là biểu tượng của "Long Hồ hội", biểu tượng cho đề cao học vấn mà rồng tượng cho Tiến sĩ, hổ tượng cho Cử nhân. Rồi ở gần ban công đồng các ngôi điện thờ Mẫu, thường được đặt ban Ông Hồ với hình tượng 5 con hổ với 5 màu sắc: Hồ đỏ ở phương Nam, Hồ xanh ở phương Đông, Hồ trắng ở phương Tây, Hồ đen ở phương Bắc và Hoàng Hồ ở trung phương. Như vậy 5 hổ tượng cho 5 phương Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung phương. Đôi khi ban thờ chỉ có một hổ vàng, đó là tượng cho trung phương, cũng là đầy đủ ngũ phương. Theo quan niệm người xưa thì Hồ là vị thần trấn giữ và cai quản mặt đất. Trong dân gian, các gia đình có đám giỗ thường đến Ban thờ Ông Hồ để cầu các vị thần cai quản mặt đất bảo trợ các vong linh tổ tiên của gia đình không bị quỷ dữ bắt nạt. Gắn với mỗi vong linh thì người ta đặt trước Ban Ông Hồ một quả trứng sống. Bởi lẽ trứng được quan niệm là vật tụ hồn, tụ linh. Khi vong linh của thân chủ được triệu về, tụ vào trứng thì thần Hồ "chúng điện vong linh" mà ra tay bảo trợ. Như vậy thần hổ được đắp phía ngoài bức "Bình phong" được hiểu là thần trừ tà diệt quỷ mà đối với di tích thờ Linh Lang là "chống thủy quái".

Bên cạnh hình tượng Hồ, trong hậu cung đình Trường Lâm (phường Việt Hưng), chúng tôi quan tâm đến bài vị thờ Linh Lang. Đây là bài vị được "nhân dạng hoá" mà chưa thấy ở các di tích khác. Thường thì hình tượng người chỉ thấy ở các ngôi chùa, điện thờ Mẫu hoặc là ở đền được thờ dưới hình thức tượng tròn hoặc điêu khắc bằng các chất liệu đá, gỗ, đồng, đất luyện được tạo tác tỉ mỉ và đầy đủ cả chân tay. Chúng tôi nhấn mạnh sự "nhân dạng hoá" của bài vị như sau: Đỉnh của bài vị cũng được tạo tròn và bo viền chỉ kép, diềm ngoài được chạm không phải dưới dạng đao lửa bay lên hoặc dạng lá sồi như bài vị ở các ngôi đình khác mà ở đây được tạo hình dáng giống như đôi tai. Hình thức này được hiểu như đầu của tượng. Tiếp dưới là cổ, vai, thân bài vị và phần dưới là đế bài vị. Lòng thân bài vị được khắc hiệu vị của Thánh. Toàn bộ bài vị được đặt trên long ngai đồng thời bài vị được tạo phù hợp với kích thước của ngai, vai của bài vị cao ngang với tay

ngai. Tạm có thể thấy rằng, bài vị ở đây là hình thức tạo tượng ngai mà ngai là "ghế ngai" của Thánh. Từ hình thức "nhân dạng hoá" bài vị, chúng tôi thấy rằng, với những ngai đình thờ Thành hoàng làng thì chỉ cần thờ bài vị đặt trên long ngai mà người xưa như muốn gợi ý rằng, đó là sự tôn thờ đầy đủ và đầy tính minh triết.

Cũng tại đình Trường Lâm, hàng năm vào ngày mồng 8, mồng 9 tháng 2 lịch trăng diễn ra lễ hội, trong hội có nghi thức múa "Lột rần". Trong phần diễn xướng kèm theo điệu múa có câu đồng dao: "Bạch xà đại tướng, mình dài muôn trượng, đi khắp 4 phương, hộ quốc dân an, khang dân vật thịnh, trở về làng ta, là

Trường Lâm sở, mở hội xướng ca, đình trung vui vẻ, chúc già mạnh khoẻ, trẻ được bình an, con cháu thảo hiền, nhân dân thờ phụng, má nha má nhạc, đánh giá hoàn thiên, nghe lệnh trên truyền, ta đi nơi khác...". Gọi là lột rần nhưng trên thực tế đó là hình thức diễn xướng ca ngợi công đức của thánh Linh Lang. Nhìn tổng thể thì nó là hiện thân sự vận động của linh vật bò sát, cũng đồng nhất với sự vận động của nguồn nước mà ở đây Linh Lang được đồng nhất với Bạch Xà. Như vậy sự "nhân dạng hoá" của bài vị và sự "đồng nhất hoá" dòng nước với Linh Lang thì chỉ có ở đình Trường Lâm như là một sự đề cao tinh thần trị thủy.



Trần Vũ linh thần, Long Biên, Hà Nội-Ảnh: Quốc Vụ

Trở lại với ngôi đền Ngọc Trì (Thạch Bàn), hàng năm vào ngày 3 tháng 3 Âm lịch được tổ chức lễ hội gắn với ngày đức thánh Trần Vũ dẫn sinh, ngày 9 tháng 9 Âm lịch là ngày hoá của Ngài. Ngoài các nghi thức tế lễ, ở đây có một trò chơi dân gian rất độc đáo, đó là trò kéo co ngai, bằng dây song luôn qua lỗ cột. Đây là trò chơi hiếm thấy ở nơi khác. Trò góp phần hào hứng không nhỏ vào lễ hội. Xưa kia, trò chơi kéo co được tổ chức tại ngôi đình làng thờ thần Linh Lang tại khu vực Trường Trung học cơ sở Thạch Bàn hiện nay, do đình sụp đổ mà nhân dân chuyển ngai, bài vị Linh Lang về thờ chung trong đền Ngọc Trì. Trò kéo co được tổ chức như sau: các giáp cử ra các tráng đinh có phẩm hạnh, gọi là giai kéo co, chia làm hai phe. Một phe gọi là mạn đường, phe kia gọi là mạn chợ. Giai kéo co đóng khố điều, chít khăn điều. Mỗi phe có một vị điều khiển gọi là tổng cờ. Tổng cờ mặc áo đỏ, đội khăn đỏ. Làng cử vị tiên chỉ cầm trịch, dùng trống khấu lệnh làm hiệu, Tiên chỉ mặc áo thụng xanh, đội mũ tế. Sau khi tế tựu ở đình, hai phe đi theo hai con đường riêng, vòng qua thôn, lên đến trình Thánh. Ở sân đền, hai phe xếp thành hai hàng dọc, hai tổng cờ

thành hai hàng dọc, hai tổng cờ đứng trước. Sau khi lễ Thánh xong, hai phe về đình và bắt đầu tiến hành kéo co. Vật để kéo là một dây song to, nhẵn, dài 30 m. Cột mốc là một cột trụ, thường là gỗ lim sơn màu đỏ, cỡ cột đình. Thân cột đục một lỗ tròn để luồn dây song. Cột chôn chắc dưới đất, lỗ luồn dây ở ngang đầu gối người lớn. Trước khi kéo, dây song được nêm chặt ở lỗ cột. Giai kéo co ngồi chân co chân duỗi. Trong đội hình từng phe, lần lượt ngồi xen kẽ, người quay mặt bên này, người bên kia của dây. Mỗi người một tay duỗi thẳng, tay kia co trước ngực, dây được kẹp chặt dưới nách của tay co. Sau khi có hiệu lệnh bằng ba hồi trống khẩu, nêm được tháo ra. Hai tổng phát cờ hô "í a, kéo". Tổng cờ chạy lên chạy xuống, quệt lá cờ lệnh vào mặt các giai kéo của phe mình. Các bà, các cô, người dùng quạt, kẻ dùng khăn lau mồ hôi cho giai phe mình. Người ta còn bón cam, chanh cho giai kéo co. Không những thế, các bà, các cô còn lấy dấm khoét đất ở bàn chân giai kéo co để tạo điểm tì. Nếu phe mạn đường thẳng (mạn gốc) thì được xem là năm đó làng được phúc lớn.

Trong hình thức kéo co trên, có một số chi tiết đáng quan tâm: một là hình thức kéo co trong tư thế ngồi và phân ra 2 mạn kéo. Đó là mạn Đường (tức giai kéo co đại diện cho dân cư xóm Đường-xóm gốc-vùng trũng-xóm tiếp giáp với sông Nghĩa Trụ) và mạn Chợ (tức giai kéo co đại diện cho cư dân xóm Chợ-xóm ngọn-vùng cao-xóm tiếp giáp với khu vực đền Ngọc Trì và đình làng). Hai là "đạo cụ" tổ chức kéo co là dây song, thường dây song rừng có độ dài khoảng 30m, cột gỗ sơn đỏ có lỗ luồn dây song và giai kéo co đóng khổ điều, chít khăn điều. Mỗi phe có một vị điều khiển gọi là tổng cờ. Tổng cờ mặc áo đỏ đội khăn đỏ. Và có các bà, các cô "trợ giúp kéo". Từ quan sát trên, chúng tôi thấy rằng, hình thức kéo co ngồi như phần nào tiếp giáp với mặt đất hơn so với trò kéo co thông thường, thoáng như đầu đồ hình tượng của động vật bò sát như rắn, rết. Hơn nữa "đạo cụ" lại là dây song, nó có màu trắng, tức màu của nước mà chúng tôi ngờ rằng, đó là con rắn trắng đang vận động. Trong quá trình kéo thì mạn Đường cầm gốc dây song và thường thì kéo thẳng. Về mặt thực

tế thì mạn cầm gốc cây song kéo thẳng là điều tất nhiên, bởi lẽ gốc cây bao giờ cũng to và kéo chắc tay. Nhưng về góc độ "sắp đặt" thì bao giờ mạn Đường cũng thẳng và sẽ thẳng. Như vậy con vật bò sát này, mà ở đây là con rắn trắng sẽ trườn/bò từ cao xuống thấp, tức thị nguồn nước sẽ rút dần xuống. Đó là hình tượng gợi ý cho thần hãy theo cách gợi ý của cư dân mà không dâng nước, hãy tiêu, thoát lũ để canh tác nông nghiệp. Các giai kéo co cũng như ông Tổng cờ mặc áo đỏ, khổ đỏ, khăn đỏ. Đây là màu của sinh khí, mà Tổng cờ quệt cờ vào mặt giai kéo co có nghĩa là "Hiệu lệnh" của trên truyền sinh khí xuống. Các giai kéo co đang vận động là sự vận động của bầu trời sinh khí. Cột gỗ ở đây tượng cho "trục vũ trụ" mà chỉ có thông qua trục vũ trụ này thì sinh khí mới tràn xuống đất và nước để nhuận tưới cho muôn loài sinh sôi nảy nở. Còn các bà, các cô "giúp sức" cho các giai kéo co thông qua việc bón cam, chanh và lau mồ hôi cho giai kéo co, chúng tôi cứ ngỡ ngỡ giống như các bà mẹ ở khu vực chùa Hương (Hương Sơn) trong dịp trước Tết Nguyên đán đi nhặt đá để cho các giai làng "ném nhau", đá được coi là chất tụ linh và chuyển tải tâm linh. Mà nhặt đá thành các đống để "ném" trong mấy ngày Tết là sự vận động lao xao của thời hỗn mang, lúc đầu không có trật tự nhưng về sau sẽ đi vào sự trật tự của chu trình, trật tự của thời gian. Ở đây cũng vậy, lúc đầu là sự kéo đi kéo lại, rồi cũng có phe thắng. Chỉ khi có phe thắng thì các bà, các cô mới vui vẻ như "Nắng hạn gặp mùa rào". Cũng như các mẹ ở Hương Sơn thì ở đây các bà, các mẹ với tư cách là bà "Mẹ đất", mẹ của tạo hoá, mẹ của sự sinh sôi phát triển.

Trò kéo co cũng như một số trò chơi dân gian khác như: thả diều, vật cầu, hạt phết, ném còn... gắn liền với công đồng dân cư Việt cổ, gắn với biểu trưng cho cầu mưa, cầu phúc, cầu cho sự sinh sôi phát triển. Với thả diều thì đây là nghi thức của công đồng dân cư ven sông cầu nước rút trong mùa mưa lũ. Với cánh diều hay "chim diều" bay lên có nghĩa là gió về, nắng lên. Ngày nay trò thả diều cũng như kéo co không còn là của công đồng gắn với nghi thức cầu nước rút, cầu mưa nữa mà nó đã trở thành một trò chơi mang tính thể dục thể thao,

giải trí thông thường.

Ở lĩnh vực phi vật thể tại đình Cầu Bầy (phường Thạch Bàn), đình thờ các vị Thành hoàng làng là Linh Lang, Lã Lang Đường và Phương Dung. Qua sự tích, chúng ta thấy vai trò của Linh Lang như gắn với dòng chảy thoát tục và úng ngập. Tất nhiên, huyền thoại tô điểm cho ngài bằng một huyền tích đẹp đẽ như con vua, có công đánh giặc rồi cuối cùng lại trở về với thân rắn thần... Từ nội dung của huyền thoại này, Ngài được hiện thân ở nhiều nơi trong lòng châu thổ Sông Hồng để cứu dân độ thế. Ở đây có thể là một hình thức thiêng hoá của sông Nghĩa Trụ. Còn Lã Lang Đường và Phương Dung, với huyền tích là một võ tướng bị giặc chém đứt đầu, ngài tự lắp lại rồi chạy tiếp. Sau đó gặp mẹ con bà hàng nước, với những câu hỏi và đáp như chúng ta đã đều biết. Đây là một huyền thoại cũng từng gặp ở nhiều nơi để nói về người anh hùng sống chết với sự nghiệp, kiên quyết chiến đấu tới cùng. Đến khi nằm xuống thì thường tại mảnh đất thiêng và vào giờ thiêng. Đó là một kết cục mà lòng người muốn như vậy, để làm bài học cho muôn đời cùng với ý thức kính trọng thiết tha. Theo đó là tấm lòng hướng tới chính nghĩa của quần chúng mà hiện thân ở mẹ con bà hàng nước. Trong một xã hội nông nghiệp thường đề cao yếu tố âm, với việc tôn trọng nữ thần, sau khi bị giặc giết thì bà hàng nước cũng được thiêng hoá để tiếp tục âm phù cho những việc vì dân vì nước và cho sự yên bình của xóm làng.

Suy cho cùng, tất cả những điều như nêu trên của huyền thoại đều phản ánh về những vẻ đẹp của tinh thần yêu quê hương xứ sở, yêu quý con người và khát vọng thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nó nảy sinh từ tư duy liên tưởng mệnh mông của tổ tiên ta.

Cũng qua một số vấn đề văn hoá phi vật thể liên quan tới lễ hội của đình, chúng tôi đã đề ý tới hai sự kiện, đó là: tục chém đầu lợn và tục chạy ngựa.

Về tục chém đầu và đuôi lợn: Các cụ trong ban di tích cho chúng tôi biết rằng, lợn được các ông đám của các giáp nuôi, tại ngày hội 11/2 Âm lịch, vào khoảng 21 giờ, theo hiệu lệnh thì tổ chức chém lợn được thả ra (trong một không gian nhất định), thanh niên (đã được chọn) đuổi theo lợn, vật ra cắt đứt đầu và một

miếng mông lớn có chiếc đuôi ở giữa, mặc cho máu lợn chảy (không hứng), ông đám đội đầu lợn lên và (người khác) đem phần đuôi chạy lên đình (đầu đuôi đều chưa cạo lông). Ông đám của giáp nào tới trước và có đầu cùng phần đuôi lớn nhất thì giành được giải. Những chiếc đầu lợn kèm phần đuôi của các giáp đều được bày trước ban thờ để tế thần.

Trước đây, tôi đã được biết ở ngôi đình nằm cách ga Thường Tín độ 200m cũng đã tế lợn đen, chỉ mổ bụng mà không cạo lông, đồng thời có bát mao huyết. Một dịp may khác chúng tôi đã được dự lễ cầu sức khoẻ của người Xê Đăng (Tây Nguyên), con lợn được hoá kiếp và máu sống của nó được trộn với xôi (trông như xôi gấc) cho tất cả những người dự lễ cùng ăn để cầu phúc.

Nhìn chung, việc tế thần bằng lợn (hoặc đầu cùng đuôi) chưa cạo lông hiện rất hiếm gặp trong các tục hèm của làng xã và tục gắn với máu sống cũng ít khi còn được sử dụng. Tuy nhiên, tạm thời chúng tôi xin đưa ra mấy giả thiết để làm việc như sau:

Hiện tượng cúng lợn đen (chưa cạo lông) được hướng tới ý thức cầu nguồn nước no đủ. Trong lễ tế mao huyết, thường người ta lấy ít lông gáy của lợn bỏ vào bát huyết để cúng thần, rồi sau đó đem chôn xuống dưới đất, trước mặt thần hổ (bình phong). Như vậy, tạm có thể nghĩ rằng: Lợn đen cũng được coi như một mảnh đất màu mỡ, lông của nó như cây trồng, nơi lông gáy (bao giờ cũng dài cứng hơn) biểu hiện sự phát triển mạnh mẽ nhất. Còn huyết có thể tượng cho nguồn sinh lực vô biên. Các nhà Dân tộc học và Khảo cổ học cho biết: Ngay từ buổi hồng hoang, khi con người đâm vật nhọn vào con vật thì một chất màu đỏ, chảy ra, chảy hết. Con vật chết "vì thế" chất đỏ này (máu) được đồng nhất với chất sống/duy trì sự sống/sinh khí. Sau đó dần dần được coi là nguồn sinh lực vô biên, rồi thiêng hoá mà thành một sức mạnh của thần linh, của bầu trời, của nguồn hạnh phúc vô tận... (cơ thần mậu đỏ hoặc sơn sơn các công trình kiến trúc và hiện vật, có thể đã xuất phát từ ý này). Như vậy, bát mao huyết khi được đặt lên bàn thờ như đã mạng ý nhắc nhở với thần rằng: Hãy ban phát cho chúng tôi nguồn sinh lực tràn trề.

khắp xóm làng. Sau đó, tế chủ đem mao huyết ra chôn trước vị thần linh cai quản mặt đất (hổ), như một khoán ước và nhằm chống lại quỷ dữ xâm hại tới mùa màng (vì hổ còn là vị thần có khả năng trừ tà sát quỷ).

Trở lại với việc đội đầu và đuôi lợn ra đình để tế. Trong một giới hạn nào đó, thủ và vĩ heo đã tượng trưng cho toàn bộ con lợn (nên nhiều nơi cúng heo luộc thì thường mổ nó phải ngậm cái đuôi). Ý nghĩa không cạo lông có lẽ cũng đồng nhất với sự kiện chung như nêu trên. Còn máu lợn, được ông đâm cho chảy từ đầu qua thân... như tắm ông trong nguồn sinh lực của thánh thần, rồi rơi xuống đường chạy để mong cầu cho đất đai phì nhiêu... tất cả sẽ được Thánh chứng giám.

Về tục chạy ngựa-Truyền lại, khi xưa, điểm xuất phát nằm ở bên phải, cách đình một khoảng được quy định. Đường chạy từ phải qua trái vòng qua phía trước rồi lợn về đình. Đó là con đường thuận với tục thờ mặt trời, nhằm hội tụ nguồn sinh khí thiêng liêng về đình. Mở đầu đoàn chạy là ông Hiệu cờ, ông đội khăn đỏ, phục trang đơn giản nhưng cũng màu đỏ, bởi ông là người được coi như nhập về tăng trên, ông cầm cán của lá cờ mệnh (dài có khi tới 4m, khổ rộng độ hơn 30cm, xẻ đuôi én) vừa chạy vừa phất sang hai bên, như biểu hiện cho sự vận vũ của bầu trời, để nguồn sinh lực tràn về trần gian (hiện tượng múa có phần nào tương đồng như ở hội Gióng). Sau ông là các thanh niên đóng khố, đội khăn đầu riu chạy theo, vừa chạy vừa la, tạo nên sự lao xao như nhuộm màu của thời hỗn mang. Phải chăng, đó là tiếng reo của sự hôn phối thiêng liêng, biểu hiện về sự giao hoà của đất trời. Về sau, đất hẹp người đông, nhận thức về truyền thống bị suy lạc, đường chạy thay đổi, nên cuộc chạy thiêng liêng chuyển sang mang tính thể thao. Ai chạy về trước thì được thưởng. Tuy nhiên, riêng ông Hiệu cờ phải là người trình Thánh đầu tiên. Vì nếu ông chậm chân để trai ngựa chạy về trước thì làng bị xui, nên ông được bỏ nửa quãng đường...

Đối với đình Hội Xá (phường Phúc Lợi) tôn thờ Ông Hoàng Hổ (tương truyền là vị tướng theo Thánh Gióng đánh giặc Ân), Lý Chiêu Hoàng và Hoài Đạo vương Nguyễn Nộn. Các cụ già ở địa phương kể lại rằng, vào thời Hùng

Vương thứ 6, sau chiến thắng giặc Ân, dân tổ chúc mừng thắng lợi với hát và múa. Đó là điều kiện để múa hát Ải Lao ra đời. Thông thường múa Ải Lao là của dân Hội Xá, được đưa qua sông để tham gia vào hội Gióng. Múa có diễn trình như sau: ngày hội chính (9/4 Âm lịch), đi đầu đoàn là phường áo đỏ, áo đen vác cờ thần, chấp kích (là thanh niên quang quẻ), tiếp tới là đoàn Ải Lao, đi giữa đoàn là ông Hoàng Hổ trong động tác vừa đi vừa múa. Hai bên là ông Trống và ông Mèn đánh nhịp chỉ huy. Tiếp tới là hai ông cầm 2 cây bông 5 tầng, các tầng đều lồng vào chỉ ngũ sắc, cũng vừa đi vừa múa theo nhịp, sau đó là hai hàng dọc với các ông từ 35 tuổi trở lên (mỗi hàng từ 12 đến 15 ông), mỗi người đều cầm hai nửa ống tre có tua ngũ sắc gõ vào nhau. Cuối đoàn Ải Lao là ông câu cá. Người dân địa phương cho ông Hoàng Hổ là tướng của Thánh Gióng. Ông câu cá được coi như là một đại diện của giới bình dân theo Thánh Gióng đi đánh giặc. Song chúng tôi vẫn ngờ rằng, nhận thức này đã bị đơn giản hoá (các sự kiện) mà có lẽ ở đây còn mang yếu tố tâm linh cao hơn rất nhiều. Cụ thể như: ông Hổ là hiện thân của sức mạnh trần gian mang chức năng cai quản mặt đất, có khả năng trừ tà sát quỷ, đứng ở trung phương đại diện cho cả ngũ phương ... Còn ông câu cá như vừa tượng trưng cho thế giới nước có khả năng trấn trị các lực lượng ở thế giới thuỷ sinh. Hội lại đó là toàn bộ thế lực của đất và nước hỗ trợ cho Thánh Gióng, có nghĩa như hỗ trợ cho sự mở mang đất nước của người Việt ở đương thời. Rõ ràng đây là một hiện tượng của hội lễ truyền thống, nhưng có thể nó đã ẩn chứa biết bao dấu ấn của lịch sử, đang đòi hỏi chúng ta giải mã.

Nhìn chung, trên địa bàn Gia Lâm hiện nay, những trò diễn tuy đã bị biến đổi nhiều, vì ý nghĩa khởi nguyên dần bị suy lạc. Nhưng, trên tinh thần gạn đục khơi trong, với những sinh hoạt gắn với văn hoá phi vật thể này đủ cho chúng ta thấy: nơi đây đã chứa đựng một dòng chảy văn hoá truyền thống, như lời của người xưa để gọi đất trời mở cửa đem nguồn hạnh phúc thiêng liêng tràn về miền đất thánh thiện./.